

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM THÀNH
PHỐ MỸ THO
TỈNH TIỀN GIANG
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 150/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 14/8/2024

V/v tranh chấp "Ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ MỸ THO TỈNH TIỀN GIANG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bảnh

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Nhung (cán bộ hưu trí)

Bà Bùi Thị Thu Nhi

-Thư ký phiên tòa: Ông Trần Minh Cường – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

-Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Mỹ Tho tham gia phiên tòa:
Bà Đỗ Thị Mỹ Huyền – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 222/2024/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2024 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 132/2024/QĐXX-ST ngày 03 tháng 7 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 120/2024/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Chị **Võ Thị Tuyết N**, sinh năm: 1999. *Xin vắng mặt*

Địa chỉ: **Ấp Đ, xã K, huyện C, tỉnh Tiền Giang.**

2/ Bị đơn: Anh **Võ Duy K**, sinh năm: 1995. *Vắng mặt*

Địa chỉ: **B N, Phường G, thành phố M, Tiền Giang**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn ngày 24/4/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn **Võ Thị Tuyết N trình bày như sau:*

Chị và anh **Võ Duy K** có tìm hiểu nhau, sau đó tiến đến hôn nhân vào năm 2021, có đăng ký kết hôn tại **U, Tp M, Tiền Giang** vào năm 2021. Sau cưới, vợ chồng về sống bên gia đình chồng. Thời gian đầu, cả hai chung sống hòa thuận, hạnh phúc, đến khoảng đầu năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã, không còn tiếng nói chung khiến cho cuộc hôn nhân ngày càng trầm trọng hơn. Vợ chồng đã cho nhau cơ hội nhưng vẫn không hàn gắn được, chị về nhà cha mẹ ruột ở và sống ly thân từ tháng 5/2023. Xét thấy vợ chồng không còn tình cảm, đời sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh **K**.

Về con chung: Có 01 con chung tên **Võ Hoàng Duy K1**, sinh ngày 16/12/2021. Chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, yêu cầu anh **K** cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng theo quy định pháp luật.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu giải quyết

Tại tờ tự khai ngày 27/6/2024, bị đơn anh **Võ Duy K khai như sau:*

Vợ chồng có mâu thuẫn và sống ly thân sáu tháng nên anh đồng ý ly hôn. Có 01 con chung tên **Võ Hoàng Duy K1**, sinh ngày 16/12/2021, anh đồng ý để chị **N** tiếp tục nuôi con, anh cấp dưỡng 1.500.000 đồng/tháng. Tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa, chị **N** có đơn xin xét xử vắng mặt, vẫn giữ yêu cầu khởi kiện. **Anh **K** vắng mặt không có lý do.**

*Đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng; đối với đương sự: **nguyên đơn thực hiện đúng, bị đơn thực hiện chưa đúng pháp luật tố tụng dân sự.**

Phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: đề nghị căn cứ Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: cho chị **N** được ly hôn với anh **K**; về con chung, giao cho chị **N** tiếp tục nuôi dưỡng con chung, buộc anh **K** cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng **là 2.205.000 đồng /tháng**; tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Chị **Võ Thị Tuyết N** có đơn xin vắng mặt; anh **Võ Duy K** được triệu tập dự phiên tòa hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, **238** Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị **N**, anh **K**.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* chị **Võ Thị Tuyết N** và anh **Võ Duy K** kết hôn vào năm 2021, có đăng ký kết hôn vào ngày 15/11/2021 tại **U**, **thành phố M, tỉnh Tiền Giang** và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 30, như vậy hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Theo chị **N** thì vợ chồng chung sống hạnh phúc cho đến khoảng đầu năm 2022 thì có mâu thuẫn, nguyên nhân do không còn tiếng nói chung, thường xuyên cãi nhau. Đến tháng 5/2023 thấy không thể tiếp tục chung sống nên chị về nhà cha mẹ ruột ở **xã K, huyện C, tỉnh Tiền Giang** sinh sống, cả hai không quan tâm thăm hỏi nhau và sống ly thân cho đến nay. Hiện nay tình cảm vợ chồng đã hết, hôn nhân không thể hàn gắn cũng như không thể kéo dài nên chị yêu cầu được ly hôn với anh **K**.

Theo anh **K** thì vợ chồng có mâu thuẫn và sống ly thân nhau nên anh đồng ý ly hôn.

Xét, chị **N** và anh **K** có nhiều mâu thuẫn và đã sống ly thân nhau. Hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị **N** xin ly hôn và anh **K** đồng ý, do đó cần công nhận sự thuận tình ly hôn của anh chị.

[3] *Về con chung:*

Anh chị thống nhất có 01 con chung tên **Võ Hoàng Duy K1**, sinh ngày 16/12/2021. Chị **N** yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, yêu cầu anh **K** cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng theo quy định pháp luật. Anh **K** đồng ý để chị **N** tiếp tục nuôi con, anh cấp dưỡng mỗi tháng 1.500.000 đồng.

[3.1] Xét ý kiến của chị **N** thấy rằng cháu **K1** chưa tròn 03 tuổi, hiện con đang sinh sống ổn định với chị kể từ ngày anh chị mâu thuẫn và sống ly thân nhau. Anh **K** đồng ý để chị **N** tiếp tục nuôi con, do đó Hội đồng xét xử nghĩ cần tiếp tục giao con cho chị **N** nuôi dưỡng.

[3.2] *Về cấp dưỡng nuôi con:* chị **N** yêu cầu anh **K** cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng theo quy định pháp luật. **Anh K đồng ý cấp dưỡng 1.500.000 đ/tháng.**

Xét, theo quy định tại khoản 2 Điều 82 của Luật hôn nhân và Gia đình thì cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Theo Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình. Tại Điều 7 có quy định tiền cấp dưỡng cho con do các bên thỏa thuận, trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định mức cấp dưỡng nhưng không thấp hơn một nửa tháng lương tối thiểu vùng tại nơi người cấp dưỡng đang cư trú cho mỗi tháng. Theo Nghị định số 74/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 quy định mức lương tối thiểu đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động, danh mục địa bàn vùng kèm theo thì anh **K** đang cư trú ở **thành phố M** là thuộc vùng II, mức lương tối thiểu tháng vùng II là 4.410.000đ/tháng. Do đó, chị **N** yêu cầu cấp dưỡng theo quy định pháp luật, Hội đồng xét xử căn cứ vào các văn bản trên quyết định mức cấp dưỡng là 2.205.000 đồng/tháng, buộc anh **K** thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con đủ 18 tuổi.

[4] *Về tài sản và nợ chung:* Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[5] *Về án phí:* chị **N**, anh **K** phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Xét ý kiến và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, phù hợp quan điểm Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, 35, 147; điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, **Điều 238** Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị **Võ Thị Tuyết N** với anh **Võ Duy K**.

2. Về con chung: Giao chị **Võ Thị Tuyết N** tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên **Võ Hoàng Duy K1**, sinh ngày 16/12/2021.

Anh **Võ Duy K** có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai có quyền cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc anh **Võ Duy K** cấp dưỡng nuôi con **Võ Hoàng Duy K1** số tiền 2.205.000 đồng mỗi tháng, thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung tròn 18 tuổi.

Kể từ ngày chị **N** có yêu cầu thi hành án, trường hợp anh **K** chậm thi hành số tiền trên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự.

4. Về án phí: Chị **Võ Thị Tuyết N** chịu là 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng tại biên lai số 0006038 ngày 24/4/2024 của Chi Cục thi hành án dân sự Thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang xem như đã nộp xong án phí. Anh **Võ Duy K** phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

5. Về quyền kháng cáo: Chị **N**, anh **K** có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND Tp Mỹ Tho;
- Chi cục THADS Tp Mỹ Tho;
- TAND tỉnh TG;
- Các đương sự;
- UBND Phường 7 (nơi ĐKKH);
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN -CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Bảnh